

BẢNG THANH TOÁN CHO ĐỐI TƯỢNG THỤ HƯỞNG

(Kèm theo Giấy Ủy nhiệm chi số 129 ngày 3 tháng 6 năm 2021)

Tài khoản dự toán ☒ Tài khoản tiền gửi: ☐

1. Đơn vị sử dụng ngân sách: **TRƯỜNG MẦM NON 9**

2. Mã đơn vị: **1048792**

3. Tài khoản thanh toán của đơn vị mở tại ngân hàng thương mại: **TK : 083 008 410 290 001; tại : Ngân Hàng TMCP Đông Á - Chi nhánh Lý Thường Kiệt**

I. Nội dung đề nghị thanh toán:

STT	Họ và tên	Tài khoản ngân hàng		Tổng số	Trong đó:								Ghi chú			
		Số tài khoản người hưởng	Tên ngân hàng		Lương và phụ cấp theo lương		Tiền công lao động thường xuyên theo HĐ	Tiền thu nhập tăng thêm	Tiền thưởng	Chi công phục vụ ăn sáng TS/2021 và bổ sung chi NH 2020-2021	Công phục vụ bán trú TS/2021 và bổ sung chi NH 2020-2021	Chi hỗ trợ phục vụ hoạt động giảng dạy TS/2021 và bổ sung chi NH 2020-2021		Chi tiền quản lý lớp năng khiếu TS/2021	Tiền khoán	Tiền học bổng
1	2	3		4	5	6	7	8	9.1	9.2	9.3	9.3	10	11	12	
Tổng số																
I	Đối với công chức, viên chức:			94.039.158	0	0	0	0	24.697.940	50.802.724	18.538.494	0	0	0		
1	Trần Thị Kiều Nhung	0102638288	NH Đông Á	77.499.514	0	0	0	0	19.585.530	42.211.000	15.702.984	0	0	0		
2	Nguyễn Thị Sánh	0102648657	NH Đông Á	2.702.454					591.870	1.489.800	620.784	0				
3	Nguyễn Thị Giang Thanh	0101386717	NH Đông Á	2.625.470					591.870	1.451.600	582.000	0				
4	Phạm Thị Hồng Vân	0101386707	NH Đông Á	2.592.770					559.170	1.451.600	582.000	0				
5	Hoàng Thị Thanh Bút	0107817636	NH Đông Á	2.227.100					522.100	1.271.000	434.000	0				
6	Ngô Hoàng Uyên Mi	0107817627	NH Đông Á	2.580.700					672.700	1.440.000	468.000	0				
7	Dương Thị Ngọc	0107817621	NH Đông Á	2.596.400					726.400	1.394.000	476.000	0				
8	Trần Thị Lệ Xuân	0101980518	NH Đông Á	2.223.400					543.400	1.204.000	476.000	0				
9	Nguyễn Thị Ngọc Thu	0107817785	NH Đông Á	2.352.000					528.000	1.272.000	552.000					
10	Đoàn Hoài Nam	0108660736	NH Đông Á	2.409.600					607.600	1.360.000	442.000	0				
11	Lê Thụy Anh Đào	0109963794	NH Đông Á	2.223.400					543.400	1.204.000	476.000	0				
12	Đàm Thị Ngọc Loan	0101198837	NH Đông Á	2.132.500					542.500	1.200.000	390.000	0				
13	Phan Thị Kim Loan	0107817769	NH Đông Á	2.008.100					568.100	1.032.000	408.000	0				
14	Phạm Thị Nguyên Thùy	0109940965	NH Đông Á	2.117.500					617.500	1.075.000	425.000	0				
15	Nguyễn Thị Châu Thanh	0107817652	NH Đông Á	2.409.600					607.600	1.360.000	442.000	0				
16	Nguyễn Thị Thu Thủy	0107817761	NH Đông Á	2.340.600					635.600	1.271.000	434.000	0				
17	Trần Thị Bích Trâm	0102552460	NH Đông Á	2.659.000					759.000	1.325.000	575.000					
18	Trần Thị Kiều	0107817788	NH Đông Á	2.117.500					617.500	1.075.000	425.000	0				
19	Nguyễn Thị Hộ	0107817287	NH Đông Á	2.180.000					560.000	1.188.000	432.000					
20	Nguyễn Thị Thùy Trang	0107817774	NH Đông Á	0					0	0	0				nghe ko lg	
21	Lê Thị Thu Dung	0103295125	NH Đông Á	2.198.500					508.500	1.260.000	430.000					
22	Sử Thị Ngọc Châu	0107817285	NH Đông Á	2.198.500					508.500	1.260.000	430.000					
				2.132.500					542.500	1.200.000	390.000	0				

23	Phạm Kim Hiền	0108655242	NH Đông Á	2.596.400					726.400	1.394.000	476.000	0			
24	Nguyễn Thị Hồng Tâm	0108259456	NH Đông Á	2.701.870					591.870	1.489.800	620.200	0			
25	Trần Thị Hà	0109438625	NH Đông Á	2.180.000					560.000	1.188.000	432.000				
26	Võ Thị Mỹ Linh	0109943289	NH Đông Á	2.340.600					635.600	1.271.000	434.000	0			
27	Trần Thị Thanh Thảo	0109953669	NH Đông Á	2.352.000					528.000	1.272.000	552.000	0			
28	Đào Vũ Uyên Duy	0110862343	NH Đông Á	2.659.000					759.000	1.325.000	575.000				
29	Hoàng Thị Bạch Ly	0102593937	NH Đông Á	2.008.100					568.100	1.032.000	408.000	0			
30	Nguyễn Thị Mỹ Hiền	0104882302	NH Đông Á	2.227.100					522.100	1.271.000	434.000	0			
31	Nguyễn Song Hà Nỳ	0110899069	NH Đông Á	2.260.200					564.200	1.280.000	416.000	0			
32	Nguyễn Thị Bích Ngọc	0110899902	NH Đông Á	2.260.200					564.200	1.280.000	416.000	0			
33	Nguyễn Thị Minh Thư	0110891260	NH Đông Á	2.580.700					672.700	1.440.000	468.000	0			
34	Nguyễn Kim Quỳnh Như	0101386776	NH Đông Á	2.305.750					539.550	1.184.200	582.000	0			
II	Đối với lao động hợp đồng theo Nghị định 68/2000/NĐ-CP)			11.218.380	0	0	0	0	2.805.670	5.577.200	2.835.510	0	0	0	0
1	Phạm Thanh Phú	0102382400	NH Đông Á	2.196.060					544.460	1.069.600	582.000	0			
2	Nguyễn Dương	0108802675	NH Đông Á	2.196.060					544.460	1.069.600	582.000	0			
3	Bùi Diễm Tú Minh	0101631076	NH Đông Á	2.133.620					506.850	1.069.600	557.170	0			
5	Ôn Thị Thanh Thanh	0102382400	NH Đông Á	2.346.320					604.950	1.184.200	557.170	0			
6	Mai Thị Nguyệt	0101631076	NH Đông Á	2.346.320					604.950	1.184.200	557.170	0			
III	Đối với lao động thường xuyên theo hợp đồng			5.321.264	0	0	0	0	2.306.740	3.014.524	0	0	0	0	0
4	Ngô Thị Cẩm Linh	0108802675	NH Đông Á	1.707.264					706.740	1.000.524	0	0			
1	Nguyễn Thị Hồng Gấm	0103641702	NH Đông Á	1.807.000					800.000	1.007.000	0	0			
2	Lê Thị Yên Trinh	0103641702	NH Đông Á	1.807.000					800.000	1.007.000	0	0			

Tổng số tiền bằng chữ: Chín mươi bốn triệu không trăm ba mươi chín ngàn một trăm năm mươi tám đồng.

II. Phần thuyết minh thay đổi so với tháng trước:

Người lập



Nguyễn Thị Hồng Tâm

Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Hồng Tâm

KHO BẠC NHÀ NƯỚC



Trần Thị Kiều Nhung

Chuyên viên kiểm soát chi / Giao dịch viên

Ngày.....thángnăm

Giám đốc BKNN cấp tỉnh hoặc Lãnh đạo phòng được ủy quyền/ Giám đốc KBNN quận, huyện